TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HC-ST
Ngày 13 - 5 - 2024
V/v kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Dần.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê ngọc Tâm.

Bà Đặng Thị Hương.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 239/2023/TLST-HC ngày 08/12/2023 về việc "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Thông báo chuyển lịch phiên tòa số 370/2024/TB – TA ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Hoàng Văn N – Sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn I, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- **Người bị kiện**: UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C Mlô – Sinh năm 1981; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Cùng địa chỉ: D H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Q – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Bà Lê Thị A – Sinh năm 1981;

địa chỉ: Thôn I, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Hoàng Văn N trình bày:

Ngày 12/11/1999, hộ ông Hoàng Văn H được UBND huyện K (cũ) nay là UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P015550 tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2, mục đích sử dụng đất: 400m^2 đất ở và 5.010m^2 đất màu; địa chỉ đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/04/2014, hộ ông Hoàng Văn H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2 nêu trên cho vợ chồng tôi là Hoàng Văn N và bà Lê Thị A (theo hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 001593, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C công chứng ngày 10/4/2014). Ngày 26/5/2014, UBND thị xã B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803 đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2, trong đó có: 400m^2 đất ở và 5.010m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Quá trình sử dụng đất tôi phát hiện GCN QSD đất số BU 090803 nêu trên cấp cho vợ chồng tôi bị sai đối tượng do cấp sai vị trí đất (vị trí đất theo GCN QSD đất không trùng khớp với bản đồ địa chính chính quy), nên ngày 12/5/2023, tôi có "Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" gửi UBND xã E và Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B để đề nghị thu hồi GCN QSD đất số BU 090803 do UBND thị xã B cho gia đình tôi vào ngày 26/5/2014.

Ngày 15/5/2023, UBND xã E tiến hành kiểm tra, xác minh thực địa. Ngày 15/8/2023, UBND xã E có Báo cáo số 111/BC-UBND về việc kiểm tra, xác minh thửa đất số 08 (mới 37) tờ bản đồ số 30 (mới 53), diện tích 5.410m^2 của ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A, địa chỉ thường trú: Thôn G, xã E, thị xã B, Đắk Lắk.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy GCN QSD đất số BU 090803 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A.

***Tại bản tự khai ngày 05/01/2024 người bị kiện là UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trình bày*:**

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo hồ sơ cung cấp thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C thì:

Ngày 12/4/1999, hộ ông Hoàng Văn H có đơn xin đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2.

Ngày 12/11/1999, hộ ông Hoàng Văn H được UBND huyện K (cũ) nay là UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 015550 tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích: 5.410m^2, mục đích sử dụng đất: đất khu dân cư, trong đó đất ở 400m^2, đất màu 5.010m^2; địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K.

Ngày 10/4/2014, hộ ông Hoàng Văn H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2 nêu trên ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A (theo hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 001593, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng thực ngày 10/4/2014) và được UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803 ngày 26/5/2014 tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2, (mục đích 400m^2 đất ở, đất trồng cây hàng năm khác 5.010m^2) cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A; địa chỉ thửa đất tại xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết đơn của Hộ ông Hoàng Văn N:

Ngày 12/5/2023, ông Hoàng Văn N có đơn đề nghị Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với lý do: thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30 được UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803, diện tích 5410 m^2, thì vị trí thửa đất nêu trên không trùng khớp với bản đồ địa chính, nguyên nhân do cấp sai vị trí, sai ranh giới, sai đối tượng.

Ngày 15/5/2023, UBND xã E tiến hành kiểm tra, xác minh thực địa, xác định thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, trên thực tế được gia đình ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thôn I, xã E sử dụng và có nguồn gốc khai hoang năm 1996.

Ngày 6/6/2023, theo yêu cầu cung cấp Thông tin thửa đất của ông Hoàng Văn N, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C ban hành Trích lục bản đồ địa chính số 1835/TL-CNBH ngày 6/6/2023 tại thửa 152, tờ bản đồ số 53, địa chỉ thửa đất: Xã E, thị xã B tỉnh Đắk Lắk, diện tích 5009,8 m^2.

Ngày 15/8/2023, UBND xã E ban hành Báo cáo số 111/BC-UBND, ngày 15/8/2023 báo cáo về việc kiểm tra, xác minh thửa đất số 08 (mới 37), tờ bản đồ số 30 (mới 53), diện tích 5410 m^2 của ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A, địa chỉ thường trú: Thôn G, xã E, thị xã B tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 02/10/2023, UBND thị xã B ban hành Công văn số 3029/UBND-TNMT về việc trả lời đơn và hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Quan điểm của UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk:

Về trình tự thủ tục đăng ký, kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 015550, ngày 12/11/1999 cho hộ ông Hoàng Văn H tại thửa đất số 08, tờ bản

đồ số 30, diện tích: 5.410m^2, mục đích sử dụng đất: Đất khu dân cư, trong đó đất ở 400m^2, đất màu 5.010m^2; địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Trên cơ sở Đơn xin đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND xã E, huyện K (cũ), sau đó, UBND cấp huyện K (cũ) thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998, Nghị định số 64-CP, ngày 17/9/1993 của Chính phủ; Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của T1 về việc ban hành bản quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803 ngày 26/5/2014 tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2, (mục đích 400m^2 đất ở, đất trồng cây hàng năm khác 5.010m^2) cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A; địa chỉ thửa đất tại xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2 nêu trên giữa Hộ ông Hoàng Văn H chuyển quyền sử dụng đất Hoàng Văn N và bà Lê Thị A (theo hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 001593, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng thực ngày 10/4/2014) và được UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803 ngày 26/5/2014 tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2 (mục đích 400m^2 đất ở, đất trồng cây hàng năm khác 5.010m^2) cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A; địa chỉ thửa đất tại xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất hộ ông Hoàng Văn H đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất không có tranh chấp; trong thời hạn sử dụng đất và quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án theo Khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 thì đủ điều kiện giải quyết. Về thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 146,148 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với yêu cầu của Người khởi kiện là ông Hoàng Văn N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803 do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Hoàng Văn N, bà Lê Thị A ngày 26/5/2014:

Căn cứ Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai có quy định: "Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của

Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật."

Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803 do UBND huyện K cấp cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2, ngày 26/5/2014 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn H hợp pháp và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện theo khoản 6, Điều 87, Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ: "6. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành".

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A trình bày:

Tôi đồng ý với quan điểm của ông Hoàng Văn N. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn N để Hủy toàn bộ GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Thủ tục cấp GCNQSD đất số BU 090803 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A là đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 105, Điều 188 Luật đất đai 2013 và Điều 70, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410m^2 nêu trên giữa Hộ ông Hoàng Văn H chuyển quyền sử dụng đất Hoàng Văn N và bà Lê Thị A (theo hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 001593, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng thực ngày 10/4/2014). Qua ý kiến của người khởi kiện và người bị kiện tại phiên tòa thì thấy việc cấp GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A là sai vị trí sử dụng thực tế ông N bà A đang sử dụng. Do vậy đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những

người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn N là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N.

Hủy toàn bộ GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa: ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Hoàng Văn N khởi kiện yêu cầu hủy GCN QSD đất số BU 090803 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Năm 2014 ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A được cấp GCN QSD đất số BU 090803, quá trình sử dụng đất ông N phát hiện diện GCN QSD đất nêu trên bị cấp sai vị trí nên ngày 12/5/2023 ông N có đơn đề nghị thu hồi GCN QSD đất nêu trên. Ngày 02/10/2023 UBND thị xã B có Công văn số 3029/UBND-TNMT về việc trả lời đơn và hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết có đối với đơn đề nghị thu hồi GCN QSD đất ngày 12/5/2023 của ông N. Do đó, thời hiệu khởi kiện của vụ án được tính lại từ ngày 02/10/2023. Đến ngày 02/11/2023 ông N khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Văn N, Hội đồng xét xử

xét thấy:

[3.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp GCN QSD đất:

Xét thủ tục cấp GCNQSD đất số BU 090803 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A là đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 105, Điều 188 Luật đất đai 2013 và Điều 70, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[3.2]. Xét GCN QSD đất số BU 090803 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A, hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án phía người bị kiện là UBND thị xã B không thừa nhận việc cấp GCN QSD đất số BU 090803 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A là cấp sai vị trí so với hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn N. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B tiến hành lồng ghép bản đồ giải thửa và bản đồ địa chính hiện hành tại vị trí các thửa đất sau:

"*+ Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2, địa chỉ thửa đất tại xã E, thị xã B theo GCN QSD đất số BU 090803 do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Hoàng Văn N, bà Lê Thị A ngày 26/5/2014.*

+ Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 53, diện tích 5.009,8 m^2, địa chỉ thửa đất tại xã E, thị xã B do ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A đang quản lý, sử dụng trên bản đồ địa chính hiện hành" nhằm xác định có hay không việc UBND thị xã B cấp GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30 cấp cho ông Hoàng Văn N, bà Lê Thị A ngày 26/5/2014 bị sai vị trí hay không. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C không có văn bản trả lời nên được xem như đồng ý với phần trình bày của ông Hoàng Văn N về nội dung này.

Xét tài liệu chứng cứ gồm Báo cáo 111/BC-UBND ngày 15/8/2023 của UBND xã E và Biên bản kiểm tra, xác minh thực địa ngày 15/5/2023 của UBND xã E, thị xã B, thấy rằng: Mặc dù, các tài liệu chứng cứ này là bản phô tô, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ này do cả người khởi kiện và người bị kiện cung cấp cho Tòa án (bút lục số 03, 04, 05, 36, 37 và 39). Do đó, được xem như cả người khởi kiện và người bị kiện đều đồng ý với nội dung của Báo cáo 111/BC-UBND và Biên bản kiểm tra, xác minh thực địa ngày 15/5/2023 của UBND xã E và thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 79 Luật tố tụng hành chính 2015.

Bên cạnh đó, tại báo cáo số 111/BC-UBND ngày 15/8/2023 của UBND xã E và Biên bản kiểm tra, xác minh thực địa ngày 15/5/2023 của UBND xã E, thị xã B

đều có nội dung:

"*Trong quá trình sử dụng đất ông Hoàng Văn N phát hiện thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090803, vị trí thửa đất hiện trạng đo đạc so với giấy chứng nhận đã cấp không trùng khớp với bản đồ địa chính chính quy, nguyên nhân do cấp sai vị trí so với hiện trạng.0000000000000*

- Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30. Trên thực tế chủ sử dụng đất là gia đình ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thôn I, xã E.

- Nguồn gốc: Khai hoang năm 1996.

- Tình trạng tranh chấp: Đất sử dụng ổn định không tranh chấp."

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cũng thừa nhận việc cấp GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30 cấp cho ông Hoàng Văn N, bà Lê Thị A ngày 26/5/2014 bị sai vị trí.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30 cấp cho ông Hoàng Văn N, bà Lê Thị A ngày 26/5/2014 bị sai vị trí nên yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Do được chấp nhận đơn khởi kiện nên ông Hoàng Văn N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004621 ngày 22/11/2023 do ông Hoàng Văn N nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 79; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206; Điều 358 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 98; khoản 2 Điều 105; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Điều 70, Điều 76; Điều 79; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N.

Hủy toàn bộ GCN QSD đất số BU 090803, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 30, diện tích 5.410 m^2 do Ủy ban nhân dân thị xã B ngày 26/5/2014 cho ông Hoàng Văn N và bà Lê Thị A.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Hoàng Văn N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004621 ngày 22/11/2023 do ông Hoàng Văn N nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân thị xã B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Văn Công Dần